

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **191/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/7/2022

“Về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Ngọc Day.

2. Ông Nguyễn Duy Sự.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/02/2022 về việc “*Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 14/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Bàn Thị M, sinh năm 1991.

+ Bị đơn: Anh Lý Càn D, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn 5 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị M vắng mặt tại phiên tòa và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Bàn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Càn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/3/2013 tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn

kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị với anh D không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh D mãi chơi không tu chí làm ăn phát triển kinh tế, anh D thường xuyên chơi Bi a, chơi cờ bạc, uống rượu về nhà vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau, có lần anh D còn cầm dao dọa chém giết chị. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không hòa hợp nhau, không tôn trọng nhau. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh D đã quá căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Càn D.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Lý Càn D có 02 con chung là cháu Lý Ý C, sinh ngày 25/3/2012 và cháu Lý Ngọc H, sinh ngày 02/12/2013. Ly hôn, chị nhất trí để anh Lý Càn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lý Càn D số tiền là 1.500.000 đồng/cháu/tháng (Tức 3.000.000 đồng/2cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các cháu Lý Ý C và cháu Lý Ngọc H đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Lý Càn D không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về vay nợ chung: Chị và anh Lý Càn D không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa chị Bàn Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M xác định vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung và không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ nội dung gì khác.

* Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lý Càn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị M được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/3/2013 tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc bình thường sau đó thì vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh với chị M không hợp nhau, vợ chồng mỗi người một công việc và thi thoảng có xảy ra cãi chửi nhau, chị M đi làm công nhân xa nhà khoảng hai năm nay không về thăm gia đình và các con, anh có gọi điện báo chị M về đoàn tụ nhưng chị M không nhất trí và cũng không về thăm gia đình. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị M, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh với chị M chưa đến mức căng thẳng, trầm trọng. Chị M làm đơn ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Nếu

chị M cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị M có 02 con chung là cháu Lý Ý C, sinh ngày 25/3/2012 và cháu Lý Ngọc H, sinh ngày 02/12/2013. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Anh yêu cầu chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh số tiền là 1.500.000 đồng/cháu/tháng (Tức 3.000.000 đồng/2cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các cháu Lý Ý C và cháu Lý Ngọc H đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Bàn Thị M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về vay nợ chung: Anh và chị Bàn Thị M không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu Lý Ý C, sinh ngày 25/3/2012 và cháu Lý Ngọc H, sinh ngày 02/12/2013 (là con chung của chị Bàn Thị M và anh Lý Càn D). Cháu C và cháu H cùng trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với bố cháu là Lý Càn D. Các cháu tự nguyện ở với bố cháu và không bị ai ép buộc gì.

Tại Biên bản xác minh với Trưởng thôn 5 Minh Quang, xã Minh Hương và UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên cung cấp thông tin như sau: Chị Bàn Thị M và anh Lý Càn D kết hôn với nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng trầm trọng. Tuy nhiên do chị M và anh D chưa báo cáo thôn nên địa phương chưa tiến hành hòa giải, giải quyết lần nào. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Bàn Thị M cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; 01 Bản sao Trích lục kết hôn; 02 Giấy chứng minh nhân dân (01 bản sao, 01 bản phô tô); 01 Sổ hộ khẩu là bản sao chứng thực; 02 Giấy khai sinh đều là bản sao chứng thực.

- Bị đơn anh Lý Càn D cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Lý Càn D đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh D đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại

tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Bàn Thị M chấp hành tốt các quy định pháp luật; Đối với bị đơn anh Lý Càn D đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định pháp luật, đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh D mới đến Tòa án làm việc. Như vậy anh D chưa chấp hành và chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật.

- *Về việc giải quyết nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị M.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Lý Càn D;

+ Về con chung: Giao cháu Lý Ý C, sinh ngày 25/3/2012 và cháu Lý Ngọc H, sinh ngày 02/12/2013 cho anh Lý Càn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàn Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lý Càn D số tiền là 1.500.000 đồng/cháu/tháng (Tức 3.000.000 đồng/2 cháu/tháng); phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các cháu Lý Ý C và cháu Lý Ngọc H đủ 18 tuổi trưởng thành.

+ Về án phí: Chị Bàn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Anh Lý Càn D không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Bàn Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lý Càn D nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Lý Càn D có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 5 M, xã M, huyện

H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Lý Càn D tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Lý Càn D đến Tòa án để tham gia xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần triệu tập của Tòa án anh D đều không đến, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nêu trên. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lý Càn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị M và anh Lý Càn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/3/2013 tại UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị M và anh D là hợp pháp.

Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu giữa chị M và anh D hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa chị M và anh D không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do anh chị đều không có công ăn việc làm ổn định nên phải đi làm xa nhà, không ai quan tâm gì đến nhau dẫn đến vợ chồng không yêu thương, chăm sóc nhau. Thực tế chị M và anh D đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm chăm sóc gì đến nhau, không còn quan hệ vợ chồng với nhau nữa. Tuy anh D không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị M và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, mặc dù vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa, thì thoảng mới về thăm nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, yêu thương nhau. Anh D trình bày vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị M nhưng trên thực tế khi vợ chồng gặp nhau thì thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cả hai anh chị đều không ai đưa ra biện pháp tích cực nào nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã rất căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn anh Lý Càn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Bàn Thị M và anh Lý Càn D có hai con chung là cháu Lý Ý C, sinh ngày 25/3/2012 và cháu Lý Ngọc H, sinh ngày 02/12/2013. Ly hôn anh Lý Càn D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Lý Ý C và cháu Lý Ngọc H. Anh D yêu cầu chị Bàn Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh số tiền là 1.500.000 đồng/cháu/tháng (Tức 3.000.000 đồng/2 cháu/tháng); phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các cháu Lý Ý C và cháu Lý Ngọc H đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị

Bàn Thị M cũng nhất trí để anh D được trực tiếp nuôi cháu C và cháu H đến khi trưởng thành và chị nhất trí có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D đối với cháu C và cháu H theo yêu cầu của anh D. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu C và cháu H, qua xem xét ý kiến của chị M, anh D, cháu C và cháu H. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Lý Ý C, sinh ngày 25/3/2012 và cháu Lý Ngọc H, sinh ngày 02/12/2013 cho anh Lý Càn D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Bàn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D cho cháu C và cháu H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị M và anh Lý Càn D cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về vay nợ chung: Chị Bàn Thị M và anh Lý Càn D cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí:

+ Chị Bàn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật;

+ Anh Lý Càn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Lý Càn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Ý C, sinh ngày 25/3/2012 và cháu Lý Ngọc H, sinh ngày 02/12/2013 cho anh Lý Càn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Bàn Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lý Càn D số tiền là 1.500.000 đồng/cháu/tháng (Tức 3.000.000 đồng/2 cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các cháu Lý Ý C và cháu Lý Ngọc H đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Bàn Thị M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lý Càn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Bàn Thị M chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị M phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004646 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Bàn Thị M phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Anh Lý Càn D không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị M và anh Lý Càn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Yên
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Minh Hương (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tùng